

Số: 245/NQ – DNM – HDQT

Thành phố Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định pháp luật hiện hành;
- Điều Lệ hoạt động của Tổng Công Ty Cổ Phần Y Tế DANAMECO (“**Tổng Công Ty**”);
- Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị được quy định trong Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công Ty;
- Biên bản họp và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Tổng Công Ty số 154/NQ – DHĐCĐ – DNM thông qua vào ngày 08 tháng 06 năm 2018;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Nghị Quyết này “Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty” (“**Quy Chế Quản Trị**”) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần niêm yết theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, Quy Chế này quy định những nguyên tắc, chuẩn mực trong quá trình quản trị của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các cá nhân giữ chức vụ quản lý khác trong Tổng Công Ty nhằm bảo đảm hoạt động quản trị của Tổng Công Ty được minh bạch và hiệu quả và qua đó bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông Tổng Công Ty.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc các Nhà Máy và chi nhánh, các trưởng phòng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy Chế Quản Trị này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ HẢI TRỌNG

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 245/NQ – DNM – HĐQT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công Ty Cổ Phần Y Tế Danameco)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Ý NGHĨA VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- 1.1 Quy Chế Quản Trị này là những cơ chế, quy định mà thông qua đó Tổng Công Ty Cổ Phần Y Tế Danameco (“**Tổng Công Ty**”) được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tạo lập khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, HĐQT, BKS và những Người Có Liên Quan khác nhằm tránh sự lạm quyền và rủi ro cho hoạt động quản trị và kinh doanh của Tổng Công Ty.
- 1.2 Quy Chế Quản Trị này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành, BKS và Người Quản Lý của Tổng Công Ty.
- 1.3 Quy Chế Quản Trị này được xây dựng trên cơ sở tham khảo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Nghị Định 71 và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trong trường hợp có những quy định của Điều Lệ và/hoặc văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công Ty chưa được đề cập trong Quy Chế Quản Trị này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy Chế Quản Trị này thì những quy định của Điều Lệ và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công Ty.

Các thuật ngữ được viết hoa tại Điều này sẽ có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 2 dưới đây.

ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

2.1 Định nghĩa

Trong Quy Chế Nội Bộ này, trừ khi có những quy định khác, các từ và thuật ngữ sau sẽ có nghĩa tương ứng như giải thích tại đây:

- “**Tổng Công Ty**” : có nghĩa là Tổng Công Ty Cổ Phần Y Tế Danameco, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0400102101 đăng ký lần đầu vào ngày 07 tháng 06 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 05 tháng 04 năm 2017, có địa chỉ trụ sở chính tại 105 Hùng Vương, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- “**Ban Điều Hành**” : có nghĩa là Tổng Giám Đốc và các Giám Đốc của Tổng Công Ty.
- “**Cổ Đông**” : có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công Ty.
- “**Cổ Đông Lớn**” : có nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công Ty;
- “**Điều Lệ**” : có nghĩa là điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công Ty, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

- sau khi được phê chuẩn hợp lệ;
- “ĐHĐCĐ”** : có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công Ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị này, Luật Doanh Nghiệp và theo quy định của pháp luật;
- “Hội Đồng Quản Trị hoặc HĐQT”** : là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Tổng Công Ty vì các quyền lợi hợp pháp của Cổ Đông;
- “Ban Kiểm Soát hoặc BKS”** : có nghĩa là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT và Người Quản Lý trong việc quản lý và điều hành Tổng Công Ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- “Luật Chứng Khoán”** : có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, và bổ sung tùy từng thời điểm;
- “Luật Doanh Nghiệp”** : có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014, bao gồm các văn bản sửa đổi và bổ sung tùy từng thời điểm;
- “Ngày Làm Việc”** : có nghĩa là một ngày làm việc trừ ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, hoặc các ngày nghỉ lễ ở Việt Nam;
- “Nghị Định 71”** : có nghĩa là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- “Người Có Liên Quan”** : có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 Luật Doanh Nghiệp và Điều 6.34 Luật Chứng Khoán;
- “Người Quản Lý”** : có nghĩa là Tổng Giám Đốc, Giám Đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, phòng ban và các vị trí quản lý tương khác trong Tổng Công Ty được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn;
- “Pháp Luật”** : có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- “Quản Trị Công Ty”** : có nghĩa là hệ thống các nguyên tắc bao gồm:
- (i) đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - (ii) đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT và BKS;
 - (iii) đảm bảo quyền lợi của Cổ Đông và những Người

Có Liên Quan;

- (iv) đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ Đông; và
- (v) công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công Ty.

“Thành Viên Độc Lập” : có nghĩa là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) không phải là người đang làm việc cho Tổng Công Ty, công ty con của Tổng Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng Công Ty, công ty con của Tổng Công Ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- (ii) không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- (iii) không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng Công Ty; là Người Quản Lý của Tổng Công Ty hoặc người quản lý của công ty con của Tổng Công Ty;
- (iv) không phải là người đang trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công Ty;
- (v) không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc BKS của Tổng Công Ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhằm đảm bảo cho Tổng Công Ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của Cổ Đông và những người liên quan đến Tổng Công Ty, các nguyên tắc quản trị Tổng Công Ty bao gồm:

- 3.1 Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- 3.2 Đảm bảo quyền lợi của Cổ Đông;
- 3.3 Đối xử công bằng giữa các Cổ Đông;
- 3.4 Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công Ty;
- 3.5 Minh bạch trong hoạt động của Tổng Công Ty;
- 3.6 HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Tổng Công Ty có hiệu quả.

Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 4. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ Đông có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam, Điều 11 của Điều Lệ của Tổng Công ty, và đặc biệt là:

- 4.1 Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công Ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều Lệ;

- 4.2 Quyền được thông báo và tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ hoặc bất thường về hoạt động của Tổng Công Ty.
- 4.3 Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.
- 4.4 Cổ Đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ và Pháp Luật hiện hành, Cổ Đông có quyền yêu cầu không thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết hoặc đình chỉ thực hiện các nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định;
- 4.5 Cổ Đông có quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công Ty;
- 4.6 Cổ Đông có quyền nhận cổ tức theo chính sách cổ tức được quy định tại Điều Lệ của Tổng Công Ty;
- 4.7 Cổ Đông có quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông; và
- 4.8 Cổ Đông có các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ như quy định tại Điều 12 của Điều Lệ và các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của Pháp Luật có liên quan khác, bao gồm:

- 5.1 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết/dăng ký mua;
- 5.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 5.3 Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty, bao gồm cả Quy Chế Quản Trị này;
- 5.4 Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- 5.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

- 6.1 Ngoài các quyền của Cổ Đông phổ thông, Cổ Đông Lớn có quyền được tham gia cơ chế liên lạc thường xuyên với Tổng Công Ty.
- 6.2 Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng hoặc tổn hại đến các quyền và lợi ích chính đáng được Pháp Luật bảo hộ của Tổng Công Ty và của các Cổ Đông khác.
- 6.3 Cổ Đông Lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. HỢP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN, BẤT THƯỜNG VÀ LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

- 7.1 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều Lệ và/hoặc

Quy chế nội bộ về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:

- 7.2 Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ và bao gồm các nội dung chính sau:
- (a) Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - (b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - (c) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - (d) Cách thức bỏ phiếu;
 - (e) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tổng Công Ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - (f) Thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - (g) Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - (h) Ghi biên bản các cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (i) Lập biên bản các cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (j) Thông báo các nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng; và
 - (k) Các vấn đề khác.
- 7.3 HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
- 7.4 Cổ Đông có quyền tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người đại diện ủy quyền. Cổ Đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Tổng Công Ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các Cổ Đông theo quy định.
- 7.5 Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.
- 7.6 Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Tổng Công Ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 7.7 Hàng năm, Tổng Công Ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 7.8 Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.
- 7.9 Tổng Công Ty quy định trong Điều Lệ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 8. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- (a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp;
- (b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết của HĐQT;
- (c) Kết quả đánh giá của Thành Viên Độc Lập về hoạt động của HĐQT;

- (d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
- (e) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác; và
- (f) Các kế hoạch dự kiến trong tương lai

ĐIỀU 9. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

- 9.1 Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
- (a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - (b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị và các quyết định của BKS;
 - (c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công Ty;
 - (d) Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều Hành và những Người Quản Lý khác;
 - (e) Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều Hành và các Cổ Đông.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT

ĐIỀU 10. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

- 10.1 Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc Thành Viên Độc Lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành hoặc Thành Viên Độc Lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 10.2 Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Tổng Công Ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có). Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ.
- 10.3 Các Cổ Đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các Cổ Đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ của Tổng Công Ty.
- 10.4 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ của Tổng Công Ty và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ của Tổng Công Ty.
- 10.5 Tổng Công Ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho Cổ Đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu theo Điều 24.2 của Điều Lệ.

ĐIỀU 11. TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

- 11.1 Thành viên HĐQT là những người đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151.1 Luật Doanh Nghiệp. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng Công Ty. Điều Lệ quy định tiêu chuẩn của thành viên HĐQT song các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của Cổ Đông.
- 11.2 Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Tổng Công Ty, trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

ĐIỀU 12. THÀNH PHẦN HĐQT

- 12.1 Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người, trong đó ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là Thành Viên Độc Lập không điều hành. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.
- 12.2 Thành Viên Độc Lập phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện để là Thành Viên Độc Lập và đương nhiên không còn là Thành Viên Độc Lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp Thành Viên Độc Lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu

bổ sung hoặc thay thế Thành Viên Độc Lập đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành Viên Độc Lập có liên quan.

- 12.3 Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại lần thông qua quyết định của ĐHĐCĐ gần nhất..

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

- 13.1 Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, pháp luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty và của các đơn vị trong Tổng Công Ty.
- 13.2 Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của Tổng Công Ty.
- 13.3 Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 13.4 Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng Công Ty.
- 13.5 Cáo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 13.6 Tổng Công Ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ của Tổng Công Ty.

ĐIỀU 14. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA HĐQT

- 14.1 HĐQT chịu trách nhiệm trước các Cổ Đông về hoạt động của Tổng Công Ty.
- 14.2 HĐQT đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ Đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công Ty.
- 14.3 Đảm bảo hoạt động của Tổng Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy định nội bộ của Tổng Công Ty.
- 14.4 HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:
- (a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - (i) Tiêu chuẩn thành viên HĐQT;
 - (ii) Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên HĐQT của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - (iii) Cách thức bầu thành viên HĐQT;
 - (iv) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên HĐQT.
 - (v) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
 - (b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:
 - (i) Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài

liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp);

- (ii) Điều kiện hiệu lực của cuộc họp HĐQT;
- (iii) Cách thức biểu quyết;
- (iv) Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;
- (v) Ghi biên bản họp HĐQT;
- (vi) Thông qua biên bản họp HĐQT;
- (vii) Thông báo nghị quyết HĐQT.

14.5 HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều Hành và những Người Quản Lý khác.

14.6 HĐQT có trách nhiệm lập và báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy Chế Quản Trị này.

ĐIỀU 15. CUỘC HỌP HĐQT

15.1 HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 27 của Điều Lệ. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Cuộc họp HĐQT có thể được tổ chức bất kỳ khi nào HĐQT thấy cần thiết nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

15.2 Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ của Tổng Công Ty

Các thành viên HĐQT phải tích cực tham gia các cuộc họp và có trách nhiệm sau đây:

15.3 Tham gia thảo luận và biểu quyết;

- (a) Thông báo cho HĐQT khi không thể tham gia các cuộc họp của HĐQT;
- (b) Lắng nghe và hiểu rõ những nội dung trình bày của những người khác trong cuộc họp;
- (c) Đặt câu hỏi với những nội dung trình bày hoặc các báo cáo của Ban Điều Hành, nhất là khi nhận định rằng các thông tin, tài liệu này được trình bày chưa đủ rõ và có tính phức tạp;
- (d) Yêu cầu bổ sung tài liệu khi thảo luận về những vấn đề không nằm trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Yêu cầu bổ sung thông tin được đáp ứng thông qua việc cung cấp các tài liệu nghiên cứu, các đánh giá hoặc quan điểm độc lập, và các chứng từ hoặc tài liệu khác trước khi cuộc họp diễn ra.

ĐIỀU 16. CÁC TIỂU BAN CỦA HĐQT

16.1 HĐQT, nếu xét thấy cần thiết, có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

16.2 Trong trường hợp thành lập các tiểu ban trực thuộc, HĐQT phải bổ nhiệm một (01) Thành Viên Độc Lập làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng.

16.3 Đối với tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Tổng Công Ty.

16.4 HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của

từng thành viên.

- 16.5 Trường hợp Tổng Công Ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT có thể phân công Thành Viên Độc Lập phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.
- 16.6 Tất cả nhiệm vụ, quyền hạn của tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập sẽ là nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

ĐIỀU 17. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

- 17.1 HĐQT của Tổng Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách Quản Trị Công Ty. Người phụ trách Quản Trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Điều 152.5 của Luật Doanh Nghiệp. Người phụ trách Quản Trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
- 17.2 Người phụ trách Quản Trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (d) Tham dự các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và BKS;
 - (g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
 - (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

ĐIỀU 18. THÙ LAO HĐQT

- 18.1 Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho Cổ Đông được biết.
- 18.2 Thù lao của HĐQT được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.
- 18.3 Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc thì thù lao bao gồm lương của Tổng Giám Đốc và các khoản thù lao khác.
- 18.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Tổng Công Ty đã thanh toán cho các thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công Ty.
- 18.5 Thù lao của HĐQT được soát xét định kỳ hoặc khi bất thường theo quyết định của đa số thành viên HĐQT.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS

ĐIỀU 19. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BKS

- 19.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Điều 10 của Quy Chế Quản Trị này.
- 19.2 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị của Tổng Công Ty.

ĐIỀU 20. THÀNH PHẦN VÀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN BKS

- 20.1 Số lượng thành viên BKS là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên BKS có thể không phải là Cổ Đông của Tổng Công Ty.
- 20.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và không là những người mà pháp luật và Điều Lệ cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm và không thuộc các trường hợp sau:
 - (a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công Ty;
 - (b) Là thanh viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty trong 03 năm liền trước đó.
- 20.3 Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công Ty.

ĐIỀU 21. QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA THÀNH VIÊN BKS

- 21.1 Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của thành viên BKS.
- 21.2 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
- 21.3 Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.
- 21.4 Báo cáo của 'Tổng Giám Đốc trình HĐQT' hoặc tài liệu khác do Tổng Công Ty phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
- 21.5 Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người Quản Lý Doanh Nghiệp và nhân viên của Tổng Công Ty trong giờ làm việc.
- 21.6 HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.
- 21.7 Tổng Công Ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên BKS có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.

ĐIỀU 22. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ BKS

- 22.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ Tổng Công Ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 22.2 Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông của Tổng Công Ty về các hoạt động giám sát của mình.
- 22.3 Giám sát tình hình tài chính Tổng Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông.
- 22.4 BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
- 22.5 Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều Hành, thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.
- 22.6 BKS có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Điều Hành và Người Quản Lý.
- 22.7 BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
- 22.8 BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy Chế Quản Trị này.

ĐIỀU 23. THÙ LAO BKS

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp. Việc tính số thù lao mà các thành viên BKS được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho BKS được công bố trong báo cáo thường niên của Tổng Công Ty và cho Cổ Đông.

CHƯƠNG IV: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 24. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

- 24.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 24.2 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác và Người Có Liên Quan của những thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác nhằm mục đích tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 24.3 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về những hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công Ty, công ty con, công ty mà Tổng Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với với chính thành viên HĐQT đó hoặc với những Người Có Liên Quan tới thành viên đó. Đối với các giao dịch của
- 24.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ của Tổng Công Ty.

ĐIỀU 25. GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

- 25.1 Khi tiến hành giao dịch với những Người Có Liên Quan, Tổng Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
- 25.2 Tổng Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những Người Có Liên Quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công Ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng Công Ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Tổng Công Ty.
- 25.3 Tổng Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ Đông và những Người Có Liên Quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công Ty.

ĐIỀU 26. GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG, NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG NÀY

- 26.1 Tổng Công Ty không cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là cá nhân và Người Liên Quan của Cổ Đông đó là cá nhân.
- 26.2 Tổng Công Ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là tổ chức và người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Cổ Đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng Công Ty trước ngày 01 tháng 07 năm 2015 theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ – CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh Nghiệp.
- 26.3 Tổng Công Ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Liên Quan của Cổ Đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - (a) Tổng Công Ty và tổ chức là người có liên quan của Cổ Đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều Lệ của Tổng Công Ty
 - (b) Các trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 26.4 Trừ trường hợp các giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận, Tổng Công Ty không thực hiện giao dịch sau:
 - (a) Cấp các khoản vay, bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng Công Ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác;
 - (b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công Ty với một trong các đối tượng sau:
 - (i) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - (ii) Cổ Đông, người đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.
 - (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác của Tổng Công Ty.
- 26.5 HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại Điều 27.4.(b) nêu trên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều Lệ Tổng Công Ty.

**ĐIỀU 27. ĐẢM BẢO QUYỀN HỢP PHÁP CỦA NHỮNG NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI
LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY**

- 27.1 Tổng Công Ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ của Tổng Công Ty.
- 27.2 Tổng Công Ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG V: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 28. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

- 28.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám Đốc và người thuộc Ban Điều Hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tổng Công Ty.
- 28.2 Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

ĐIỀU 29. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- 29.1 Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tổng Công Ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Tổng Công Ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.
- 29.2 Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
- (a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - (b) Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT;
 - (c) Báo cáo của Tổng Giám Đốc;
 - (d) Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty;
 - (e) Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của Tổng Công Ty;
 - (f) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- 29.3 Nguyên tắc cung cấp: Tài liệu của HĐQT, Tổng Giám Đốc được gửi đến BKS vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên HĐQT.
- 29.4 Đối với Ban Điều Hành: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát, cụ thể trình tự, thủ tục như sau:
- (a) Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
 - (b) Đối với hoạt động của Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám Đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều Lệ và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Tổng Công Ty, BKS có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám Đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. BKS phải thông báo ý kiến của BKS với các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám Đốc.
 - (c) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Tổng Công Ty trước 48 giờ.
 - (d) Đối với việc sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trước khi xác lập giao kết sử dụng dịch vụ đó.
- 29.5 Đối với HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

- (a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động (không dài hơn một (01) quý), tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- (b) Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Tổng Công Ty, thì thành viên BKS kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng BKS. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng BKS bàn bạc với HĐQT giải quyết, sau đó có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.
- (c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Tổng Công Ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám Đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.
- (d) Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- (e) Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, BKS phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tài chính được kiểm toán.
- (f) Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà HĐQT gửi đến BKS để có ý kiến thì BKS sẽ phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các hồ sơ, tài liệu tương ứng.

ĐIỀU 30. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

30.1 Đối với BKS:

- (a) Chương trình, nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến các thành viên BKS (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- (b) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám Đốc) trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày lập xong.
- (c) Đối với đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề xuất.
- (d) Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề xuất.

30.2 Đối với Ban Điều Hành Tổng Công Ty:

- (a) Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám Đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là bốn mươi lăm (45) ngày.
- (b) Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc theo Điều Lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề xuất hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- (c) Đối với các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám Đốc theo Điều Lệ, Chủ tịch HĐQT phải lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc trao tay có sự chứng kiến của Thư ký Công Ty.

- (d) HĐQT không được thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Tổng Công Ty để phục vụ công việc của HĐQT, sau khi thông báo cho Tổng Giám Đốc. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám Đốc trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ.
 - (e) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, những Người Quản Lý khác trong Tổng Công Ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng Công Ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám Đốc trước ít nhất hai mươi bốn (24) giờ.
 - (f) HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều Lệ; Quy Chế Quản Trị; cơ cấu tổ chức và số lượng Người Quản Lý trong thời hạn mười lăm (15) ngày.
 - (g) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người Có Liên Quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông tin về giao dịch tương ứng.
- 30.3 Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám Đốc và thành viên Ban Điều Hành, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng liên quan trước một thời gian hợp lý.
- 30.4 Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều Lệ không có quy định khác.
- 30.5 Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám Đốc: mức lương và lợi ích khác của Người Quản Lý, các nội dung nhân sự, phải được gửi trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ.
- 30.6 Đối với các chi tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Tổng Công Ty.

ĐIỀU 31. QUY TRÌNH THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 31.1 Đối với HĐQT: Tổng Giám Đốc và các thành viên Ban Điều Hành khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Tổng Công Ty, đảm bảo Tổng Công Ty hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả.
- (a) Tổng Giám Đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch hoả, hoả hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính sách quản lý khủng hoảng, v.v. nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.
 - (b) Tổng Giám Đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám Đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản.
 - (c) Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người Quản Lý, Tổng Giám Đốc sẽ gửi trước ít nhất là trong vòng bảy (07) ngày.
- 31.2 Đối với BKS: Tổng Giám Đốc và các thành viên Ban Điều Hành khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

CHƯƠNG VI: ĐÀO TẠO VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐIỀU 32. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT và BKS, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc phải tham gia các khóa đào tạo cơ bản về Quản Trị Công Ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến Quản Trị Công Ty tổ chức.

CHƯƠNG VII: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

ĐIỀU 33. CÔNG BỐ THÔNG TIN THƯỜNG XUYÊN

- 33.1 Tổng Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng Công Ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy trình công bố thông tin nội bộ của Tổng Công Ty, quy định của pháp luật và Điều Lệ. Ngoài ra, Tổng Công Ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ Đông và nhà đầu tư.
- 33.2 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

ĐIỀU 34. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

- 34.1 Tổng Công Ty phải công bố thông tin về tình hình Quản Trị Công Ty trong các kỳ họp ĐHĐCĐ hàng năm, trong báo cáo thường niên của Tổng Công Ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
- (a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - (b) Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - (c) Hoạt động của Thành Viên Độc Lập không điều hành;
 - (d) Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT;
 - (e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động Quản Trị Công Ty;
 - (f) Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều Hành và thành viên BKS;
 - (g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Tổng Công Ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành, BKS, Cổ Đông Lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, Ban Điều Hành, BKS và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - (h) Số lượng thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc và BKS đã tham gia đào tạo về quản trị Tổng Công Ty;
 - (i) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy Chế Quản Trị, nguyên nhân và giải pháp.
- 34.2 Tổng Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công Ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

ĐIỀU 35. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

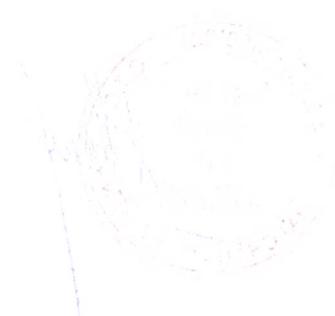
- 35.1 Tổng Công Ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng Cổ Đông Lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
- (a) Họ tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);

- (b) Địa chỉ liên lạc;
- (c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
- (d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Tổng Công Ty;
- (e) Tình hình biến động về sở hữu của các Cổ Đông Lớn;
- (f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Tổng Công Ty;
- (g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Tổng Công Ty của các Cổ Đông Lớn.

35.2 Tổng Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

ĐIỀU 36. TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 36.1 Việc công bố thông tin của Tổng Công Ty được thực hiện theo quy trình về công bố thông tin nội bộ của Tổng Công Ty.
- 36.2 Cán bộ công bố thông tin thực hiện đúng quyền và nhiệm vụ được giao.



CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

ĐIỀU 37. BÁO CÁO

HĐQT có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện Quản Trị Công Ty theo quy định của Quy Chế Quản Trị với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 38. GIÁM SÁT

Tổng Công Ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các Cổ Đông của Tổng Công Ty phải chịu sự giám sát về Quản Trị Công Ty của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 39. XỬ LÝ VI PHẠM

- 39.1 Mọi trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Quy Chế Quản Trị sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 39.2 Các trường hợp vi phạm khác sẽ bị xử lý căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Tổng Công Ty. Việc xử lý phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều Lệ Công Ty và các quy định nội bộ khác.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2018

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ HẢI TRỌNG